

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30 /2020/DS-ST
Ngày: 04-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Bảy Nhỏ

Bà Nguyễn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Mộng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị L, sinh năm 1970. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà L: Anh Trần Hoàng P, sinh năm 1987, địa chỉ: ấp P1, xã T3, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long là đại diện theo ủy quyền – Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2020.

- Bị đơn: Anh Thạch K (K1), sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Thạch A, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Chị Lý Kim T, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị L trình bày: Năm 2016-2017 bà có làm đầu thảo hụi, anh Thạch K có tham gia các dây hụi như sau:

Dây thứ 1: mở ngày 20/6/2016 âm lịch (nhằm ngày 16/5/2016 dương lịch) loại 2.000.000đ, hụi mùa (04 tháng khui 01 lần), đầu thảo hương hoa hồng 800.000đ/ lần khui, hụi gồm 12 phần, anh K tham gia 01 phần (ghi tên trong danh sách hụi là K1), anh K đóng được 03 lần, đến lần thứ 4 anh K bỏ thăm hốt hụi. Anh K bỏ thăm 600.000đ hốt được số tiền 16.400.000đ (đã trừ hoa hồng 800.000đ). Sau khi hốt hụi anh K đóng lại được 07 lần hụi chết, đến lần cuối cùng vụ Đông Xuân năm 2020 anh K không đóng hụi chết lần cuối.

Dây thứ 2: mở cùng ngày 20/6/2016 âm lịch (nhằm ngày 16/5/2016 dương lịch) loại 2.000.000đ, hụi mùa (04 tháng khui 01 lần), đầu thảo hương hoa hồng 800.000đ/ lần khui, hụi gồm 12 phần, anh K tham gia 01 phần (ghi tên trong danh sách hụi là K1) đóng được 07 lần, đến lần thứ 8 bỏ thăm 300.000đ hốt được số tiền 20.000.000đ (đã trừ hoa hồng 800.000đ). Sau khi hốt hụi đóng được 03 lần, đến lần cuối cùng vụ Đông Xuân năm 2020 anh K không đóng chết lần cuối.

Cả 02 dây hụi bắt đầu vào ngày thu hoạch vụ lúa Hè Thu năm 2016 và kết thúc vào thời gian thu hoạch vụ Đông Xuân năm 2020. Vụ Đông Xuân năm 2020 anh K cho rằng hụi chỉ có 11 phần đã đóng đủ 11 lần nên không tiếp tục đóng hụi, bà đã trản hụi cho anh K cả 02 dây, 02 lần hụi chót tổng số tiền là 4.000.000đ. Bà yêu cầu anh K có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 4.000.000đ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Thạch K trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của bà L về số dây hụi anh tham gia, thời gian mở hụi và thời gian anh hốt hụi. Nhưng khi anh tham gia hụi, bà L không giao danh sách hụi cho anh nên anh không biết hụi cụ thể có bao nhiêu phần, anh chỉ nhận được giấy giao tiền hụi bà L giao cho anh khi anh hốt hụi lần sau. Theo giấy giao hụi bà L giao cho anh nội dung ghi 07 chết, 04 sống thì anh tính hụi có 11 phần kết thúc vào vụ Đông Xuân năm 2020, bắt đầu vào vụ Lấp Vụ năm 2016. Hụi có 11 phần, anh đã đóng đến lần thứ 11 là đủ, anh không còn nợ tiền hụi bà L nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/6/2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lý Kim T trình bày: Chị là vợ của anh Thạch K, khi anh K tham gia hụi của bà L chị không biết nhưng chị có trực tiếp đóng 02 phần hụi chết cho bà L và chồng bà L vào đầu tháng 12/2019 âm lịch là thời điểm thu hoạch vụ lúa Đông Xuân năm 2020.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Thạch Thị L trình bày: Hụi kết thúc vào vụ lúa Đông Xuân năm 2020, bà thu tiền hụi sau Tết Nguyên Đán năm 2020. Trước Tết

Nguyên Đán anh K có đóng hội nhưng đó là trả tiền hội còn nợ của vụ lấp vụ 2019.

Bị đơn anh K trình bà: Khi tham gia hội anh chỉ nghe bà L nói hội có 12 phần nhưng bà L giao tiền hội cho anh nội dung ghi: 07 chét 04 sổng nên anh mới biết hội chỉ có 11 lần, anh đã đóng đủ 04 lần sổng, lần cuối cùng đóng vào trước tết Nguyên Đán năm 2020.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 13, 20, 28 của Nghị định 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị L. Đề nghị buộc bị đơn anh Thạch K có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Thạch Thị L số tiền hội còn nợ là 4.000.000đ.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào ngày 20/6/2016 âm lịch nguyên đơn bà L có mở 02 dây hội, loại 2.000.000đ, hội mùa (04 tháng khai 01 lần), đầu thảo hương hoa hồng 800.000đ/lần khai, hội 12 phần. Bị đơn có tham gia mỗi dây hội 01 phần và đã hót hết 02 phần hội. Theo đó, Hội đồng xét xử xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận hợp đồng góp hội, loại hội có lãi, hội hương hoa hồng. Nguyên đơn bà L là chủ hội, bị đơn anh K là thành viên tham gia hội, hai bên thống nhất từng loại hội, số người tham gia hội, phần hội, kỳ mở hội, thể thức góp hội và lĩnh hội, quyền và nghĩa vụ của chủ hội và hội viên...phù hợp theo quy định tại các điều từ Điều 17 đến Điều 28 của Nghị định 144/2006/CP/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hội, biêu phường.

[1.1] Quá trình thực hiện hợp đồng góp hội, bị đơn anh Thạch K có thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của thành viên tham gia hội. Nhưng đến kỳ mở hội cuối cùng vào vụ Đông Xuân năm 2020, anh K không góp hội và cho rằng hội chỉ có 11 phần theo giấy giao hội do bà L đã giao khi anh được lĩnh hội nên phát sinh tranh chấp.

[1.2] Anh Thạch K trình bày: Khi anh tham gia hội, bà L không giao danh sách hội cho anh. Anh chỉ nghe bà L nói hội có 12 phần nhưng khi bà L giao tiền hội cho anh và ghi giấy có nội dung: 07 chết, 04 sống, anh mới biết hội chỉ có 11 lần. Anh đã đóng hội đủ 04 lần chết theo giấy giao hội nhưng anh không xác định được thời gian hốt hội và 04 lần đóng hội chết. Đồng thời, anh K cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh anh đã đóng tiền hội cho bà L đủ 04 lần sau khi hốt hội. Mặt khác, bà L và thành viên tham gia hội xác định: bà L thu hội cuối vụ Đông Xuân năm 2020 vào thời điểm sau Tết Nguyên Đán năm 2020. Anh K và chị T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, anh K đã đóng hội vụ Đông Xuân năm 2020 vào ngày 26/12/2019 al nhưng tại phiên tòa, anh K chị T trình bày đóng hội vụ Đông Xuân năm 2020 vào ngày 28/12/2019al. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy anh K, chị T không trung thực khi trình bày và cho rằng đã đóng hội đủ 04 lần sau khi hốt hội là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử xác định: Giấy giao hội bà L giao cho anh K ghi: 07 chết, 04 sống là ghi số tiền đã nhận của các hội viên khác là 11 hội viên để giao tiền cho anh K, cộng phần hội của anh K được nhận là đây hội anh K tham gia có 12 phần, phù hợp danh sách hội bà L đã cung cấp. Anh K cho rằng hội chỉ có 11 phần và đã đóng đủ 11 lần là không phù hợp như đã phân tích trên. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu anh K có nghĩa vụ trả lại số tiền hội bà đã góp thay 02 lần hội chết của 02 dây tổng cộng số tiền 4.000.000đ là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Nghị định 144/2006/CP/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hội, biểu, phường.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn anh Thạch K có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí trên số tiền buộc trả cho nguyên đơn nhưng bị đơn thuộc diện đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 471 của Bộ luật dân sự; các điều 13, 20, 28 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hội, biểu, phường;

Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị L.

1. Buộc bị đơn anh Thạch K có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Thạch Thị L số tiền hui còn nợ là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu anh Thạch K chưa thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn anh Thạch K do thuộc diện đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(*Đã ký*)

Nguyễn Thị Thu Nga